

**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU**  
**LUẬT CÔNG AN NHÂN DÂN**

Ngày 27/11/2014, tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội Khóa XIII đã thông qua Luật Công an nhân dân số 73/2014/QH13 (sau đây gọi là Luật Công an nhân dân năm 2014). Chủ tịch nước ký Lệnh số 33/2014/L-CTN ngày 09/12/2014 công bố Luật Công an nhân dân. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015.

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG, BAN HÀNH LUẬT CÔNG AN NHÂN DÂN NĂM 2014**

Luật Công an nhân dân hiện hành được Quốc hội khoá XI, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2006, đã tạo cơ sở pháp lý để lực lượng công an nhân dân tổ chức, thực hiện chức năng, nhiệm vụ tham mưu với Đảng, Nhà nước, thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Trong tám năm qua, Luật Công an nhân dân hiện hành đã góp phần quan trọng xây dựng bộ máy, bố trí lực lượng, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ, nâng cao vị thế, mở rộng quan hệ quốc tế, góp phần quan trọng giữ vững an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, một số quy định của Luật Công an nhân dân hiện hành đã bộc lộ vướng mắc, bất cập hoặc chưa đầy đủ như: nhiệm vụ, quyền hạn của công an nhân dân; cấp bậc hàm, hạn tuổi phục vụ, chế độ, chính sách đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ... Bên cạnh đó, Nhà nước ta đã ban hành nhiều luật có quy định liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng công an nhân dân như: Luật cư trú năm 2006 (sửa đổi, bổ sung

năm 2013), Luật tương trợ tư pháp năm 2007, Luật thi hành án hình sự năm 2010, Luật phòng, chống mua bán người năm 2011, Luật phòng, chống khủng bố năm 2013... đòi hỏi Luật Công an nhân dân năm 2005 phải được sửa đổi, bổ sung cho đồng bộ, thống nhất với các luật nêu trên.

Trước yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ mới, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã có nhiều chủ trương ban hành nhiều nghị quyết mới về bảo vệ Tổ quốc, về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Các chủ trương, Nghị quyết đó đòi hỏi phải được quán triệt, thể chế hóa bằng các luật, trước hết là Luật Công an nhân dân.

Từ những vấn đề nêu trên cho thấy, việc xây dựng Luật Công an nhân dân (sửa đổi) là rất cần thiết để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đồng thời, thể chế hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, đáp ứng yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn mới, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước ta.

## **II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT CÔNG AN NHÂN DÂN NĂM 2014**

Luật Công an nhân dân năm 2014 được xây dựng dựa trên những quan điểm chỉ đạo sau đây:

1. Thể chế hoá đường lối, chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta: Công an nhân dân là lực lượng vũ trang cách mạng, được xây dựng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, làm nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

2. Tuân thủ Hiến pháp, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Công an nhân dân; quán triệt quan điểm cải cách hành chính, cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước ta; bảo đảm các quy định của Luật Công an nhân dân cụ thể, có tính khả thi.

3. Tổng kết toàn diện về tổ chức và hoạt động của Công an nhân dân theo quy định của Luật Công an nhân dân; kế thừa các quy định còn phù hợp, khắc

phục những bất cập, hạn chế, đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

4. Tham khảo có chọn lọc pháp luật của một số nước về tổ chức và hoạt động của lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

### **III. BỐ CỤC CỦA LUẬT CÔNG AN NHÂN DÂN NĂM 2014**

Luật Công an nhân dân năm 2014 gồm 7 chương, 45 điều, so với Luật công an nhân dân năm 2005 không thay đổi về số chương, tăng 02 điều. Cơ cấu của Luật được điều chỉnh theo hướng: tách khoản 2 Điều 4 của Luật hiện hành thành Điều 14 quy định về chức năng của Công an nhân dân; ghép 3 điều (14, 15, 16) thành Điều 15 quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Công an nhân dân; tách điểm c khoản 3 Điều 22 và bổ sung, chỉnh lý thành Điều 22 quy định về phong, thăng cấp bậc hàm trước thời hạn và vượt bậc; bổ sung 2 điều mới (Điều 26 quy định về thủ tục phong, thăng cấp bậc hàm; Điều 44 quy định về điều khoản chuyển tiếp); điều chỉnh thứ tự 32 điều cho phù hợp với logic và cấu trúc mới. Nội dung cụ thể như sau:

***Chương 1. Những quy định chung:*** gồm 13 điều (từ Điều 1 đến Điều 13) quy định về phạm vi điều chỉnh; Đối tượng áp dụng; Giải thích từ ngữ; Vị trí, cơ cấu của Công an nhân dân; Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Công an nhân dân; Ngày truyền thống của Công an nhân dân; Tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân; Nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; Chế độ phục vụ của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân và công nhân công an; Xây dựng Công an nhân dân; Giám sát hoạt động của Công an nhân dân; Quan hệ phối hợp giữa Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ với Công an nhân dân; Trách nhiệm và chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân.

***Chương 2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Công an nhân dân:*** gồm 02 điều (Điều 14 và Điều 15) quy định về chức năng của Công an nhân dân; Nhiệm vụ và quyền hạn của Công an nhân dân.

***Chương 3. Tổ chức của Công an nhân dân:*** gồm 03 điều (từ Điều 16 đến

Điều 18) quy định về hệ thống tổ chức của Công an nhân dân; Thẩm quyền quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức trong Công an nhân dân; Chỉ huy trong Công an nhân dân.

**Chương 4. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân:** gồm 13 điều (từ Điều 19 đến Điều 31) quy định về phân loại sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân; Hệ thống cấp bậc hàm sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân; Đối tượng, điều kiện, thời hạn xét phong, thăng cấp bậc hàm sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân; Phong, thăng cấp bậc hàm trước thời hạn và phong, thăng cấp bậc hàm vượt bậc; Chức vụ của sĩ quan Công an nhân dân; Cấp bậc hàm cao nhất đối với chức vụ của sĩ quan Công an nhân dân; Thẩm quyền phong, thăng, giáng, tước cấp bậc hàm sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giáng chức các chức vụ trong Công an nhân dân; Thủ tục phong, thăng cấp bậc hàm trong Công an nhân dân; Điều động sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân; Biệt phái sĩ quan Công an nhân dân; Hạn tuổi phục vụ của sĩ quan Công an nhân dân; Nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân; Những việc sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân không được làm.

**Chương 5. Bảo đảm hoạt động và chế độ, chính sách đối với Công an nhân dân:** gồm 09 điều (từ Điều 32 đến Điều 40) quy định về bảo đảm kinh phí và cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của Công an nhân dân; Trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ và phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ của Công an nhân dân; Trang phục, Công an hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, giấy chứng minh Công an nhân dân; Chính sách đào tạo, bồi dưỡng sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân; Tiền lương, phụ cấp, nhà ở và điều kiện làm việc đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân; Chăm sóc sức khỏe đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, sinh viên, học sinh Công an nhân dân và thân nhân; Chế độ nghỉ ngơi của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân; Chế độ, chính sách đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân nghỉ hưu, chuyên ngành, xuất ngũ, nghỉ theo chế độ bệnh binh, hy sinh, tử trận; Chế độ, chính sách đối với sinh viên, học sinh, công nhân công an, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ.

**Chương 6. Khen thưởng và xử lý vi phạm:** gồm 02 điều (Điều 41 và Điều 42) quy định về khen thưởng; xử lý vi phạm.

**Chương 7. Điều khoản thi hành:** gồm 03 điều (từ Điều 43 đến Điều 45) quy định về hiệu lực thi hành; Điều khoản chuyển tiếp; Quy định chi tiết.

#### **IV. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT CÔNG AN NHÂN DÂN NĂM 2014**

##### **1. Chương I. Những quy định chung**

So với Luật Công an nhân dân năm 2005, Chương này sửa đổi, bổ sung như sau:

- Tại Điều 3 (Giải thích từ ngữ): thay cụm từ “*giữ gìn trật tự, an toàn xã hội*” bằng cụm từ “*bảo đảm trật tự, an toàn xã hội*” tại khoản 2 cho phù hợp với Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013; thay cụm từ “*phục vụ có thời hạn*” bằng cụm từ “*nghĩa vụ*” tại khoản 5 cho phù hợp với Điều 8 của Luật; chỉnh lý khoản 6 giải thích về “*công nhân công an*” thay thế cho khái niệm “*công nhân, viên chức*” để tạo cơ sở pháp lý cho công tác quản lý và bảo đảm chế độ chính sách đối với đối tượng này;

- Bổ sung, chỉnh lý quy định về vị trí, cơ cấu của Công an nhân dân (Điều 4) cho phù hợp Hiến pháp năm 2013, quy định bổ sung Công an xã thuộc cơ cấu lực lượng Công an nhân dân;

- Để phù hợp với chức năng quản lý Nhà nước của Chính phủ, tại khoản 1 Điều 5 Luật Công an nhân dân đã bổ sung từ “*nhà nước*” sau từ “*quản lý*”, cụ thể như sau: “*1. Công an nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự thống nhất quản lý **nhà nước** của Chính phủ và sự chỉ huy, quản lý trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Công an.*”

- Tại Điều 8 quy định mới về công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân (thay quy định về công dân phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân tại Điều 7 của Luật Công an nhân dân năm 2005) bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền và nghĩa vụ của công dân; xác định là

một trong các hình thức thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc trong lực lượng vũ trang nhân dân, khẳng định địa vị pháp lý của đối tượng này;

- Bổ sung, chỉnh lý Điều 13 về trách nhiệm và chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ công an nhân dân. Theo đó, *cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.*

## **2. Chương II. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Công an nhân dân**

So với Luật Công an nhân dân năm 2005, Chương này sửa đổi, bổ sung như sau:

- Về tên chương được bổ sung thành: *“Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Công an nhân dân”*;

- Bổ sung Điều 14 quy định về chức năng của Công an nhân dân (trên cơ sở tách khoản 2 Điều 4 Luật năm 2005, bổ sung chỉnh lý cho phù hợp), bổ sung cụm từ *“chịu trách nhiệm trước Chính phủ”* và từ *“nhà nước”* sau từ *“quản lý”* để phù hợp với chức năng quản lý nhà nước của Chính phủ, cụ thể sửa đổi như sau: *“Công an nhân dân có chức năng tham mưu cho Đảng, Nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm; chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; đấu tranh phòng, chống âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, các loại tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.”*

- Trên cơ sở gộp các điều 14, 15, 16 của Luật Công an nhân dân năm 2005 thành Điều 15 với tên gọi là: *“Nhiệm vụ và quyền hạn của Công an nhân dân”*, bổ sung, chỉnh lý một số nội dung cho phù hợp với các luật chuyên ngành ban hành trong thời gian qua có quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Công an nhân dân như Luật thi hành án hình sự năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cư trú năm 2013; Luật phòng, chống khủng bố năm 2013; Luật giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2013... và “luật hóa” nhiệm vụ, quyền hạn của công

an nhân dân đã được quy định trong các văn bản dưới luật được thực tiễn kiểm nghiệm trong nhiều năm qua. Điều 15 Luật Công an nhân dân năm 2014 có nội dung như sau:

**“Điều 15. Nhiệm vụ và quyền hạn của Công an nhân dân**

1. Thu thập thông tin, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình và đề xuất với Đảng, Nhà nước ban hành, chỉ đạo thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật, chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm; tham gia thẩm định, đánh giá tác động về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội đối với quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội; kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm với nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; phối hợp có hiệu quả hoạt động an ninh với hoạt động quốc phòng và đối ngoại.

“2. Chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, loại trừ nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia; bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh trong các lĩnh vực tư tưởng - văn hóa, kinh tế, quốc phòng, đối ngoại, thông tin, xã hội, môi trường và các lợi ích khác của quốc gia; bảo vệ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền tự do, dân chủ của công dân, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Hoạt động tình báo theo quy định của pháp luật.

4. Bảo vệ cán bộ lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, khách quốc tế đến thăm và làm việc tại Việt Nam; bảo vệ sự kiện, mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã hội; bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, cơ quan đại diện nước ngoài, đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam; bảo vệ cá nhân nắm giữ hoặc liên quan mật thiết đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện quản lý về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo vệ bí mật nhà nước; chủ trì thực hiện quản lý về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; kiểm soát nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh tại các cửa khẩu theo quy định của Chính phủ; phối hợp với Bộ đội Biên phòng, các ngành hữu quan và chính quyền địa phương trong hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện quản lý về công tác điều tra và phòng, chống tội phạm. Chủ trì thực hiện nhiệm vụ phòng, chống khủng bố, bạo loạn và giải quyết các tình huống phức tạp về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật. Chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường; tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố; khởi tố, điều tra tội phạm theo quy định của pháp luật; thực hiện công tác thống kê hình sự; phát hiện nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm, vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường và kiến nghị biện pháp khắc phục; giáo dục đối tượng vi phạm pháp luật tại cộng đồng theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện quản lý về thi hành án hình sự; quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, trại tạm giam, nhà tạm giữ; tổ chức thi hành bản án, quyết định về hình sự, biện pháp tư pháp, thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động tư pháp theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện quản lý về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật; bảo đảm an ninh, trật tự trong việc thực hiện quyết định cưỡng chế khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

9. Thực hiện quản lý về cư trú, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, căn cước công dân, con dấu, trật tự, an toàn giao thông, trật tự công cộng, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật; cấp thẻ Căn cước công dân; đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường



bộ; thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; thực hiện quản lý về an ninh, trật tự các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và dịch vụ bảo vệ theo quy định của pháp luật.

10. Chủ trì, phối hợp quản lý và thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm; hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm.

11. Làm nòng cốt xây dựng thế trận an ninh nhân dân, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức thực hiện công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, tài chính, tiền tệ, đầu tư, an ninh tư tưởng - văn hóa, an ninh thông tin, an ninh xã hội, an ninh môi trường.

12. Hướng dẫn, huấn luyện nghiệp vụ, bồi dưỡng kiến thức pháp luật đối với lực lượng bảo vệ dân phố, dân phòng, bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

13. Áp dụng các biện pháp vận động quần chúng, pháp luật, ngoại giao, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, nghiệp vụ, vũ trang để bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật.

14. Được sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ để tấn công, truy bắt tội phạm, ngăn chặn người đang thực hiện hành vi phạm tội hoặc hành vi vi phạm pháp luật khác và để phòng vệ chính đáng theo quy định của luật.

15. Quyết định hoặc kiến nghị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi gây nguy hại hoặc đe dọa gây nguy hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu, đồ vật khi có căn cứ xác định liên quan đến hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật. Huy động, trưng dụng theo quy định của pháp luật phương tiện thông tin, phương tiện giao thông, phương tiện khác và người đang sử dụng, điều khiển phương tiện đó trong trường hợp cấp bách để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự,

*an toàn xã hội hoặc để ngăn chặn hậu quả thiệt hại cho xã hội đang xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra.*

*16. Thực hiện các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội khi có tình trạng chiến tranh, tình trạng khẩn cấp hoặc khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật.*

*17. Nghiên cứu, ứng dụng, huy động thành tựu khoa học, công nghệ trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, xây dựng lực lượng Công an nhân dân.*

*18. Xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm.*

*19. Thực hiện hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân; là cơ quan đầu mối thực hiện dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù và thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.*

*20. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.”*

### **3. Chương III. Tổ chức của Công an nhân dân**

So với Luật Công an nhân dân năm 2005, Chương này sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bổ sung một khoản (khoản 2 Điều 16) như sau: “2. Căn cứ yêu cầu công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Chính phủ quy định việc thành lập Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”. Quy định này phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế;

- Chính lý quy định về Công an xã (khoản 3 Điều 16) cho phù hợp với

Hiến pháp năm 2013, theo đó, khẳng định vị trí, vai trò của Công an xã, chính lý quy định để tiến tới xây dựng Luật về Công an xã.

#### **4. Chương IV. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân**

So với Luật Công an nhân dân năm 2005, Chương này sửa đổi, bổ sung như sau:

- Điều 20 được chỉnh lý kỹ thuật theo hướng quy định hệ thống cấp bậc hàm từ cao xuống thấp (từ Đại tướng đến Binh nhì);

- Tại Điều 21, bổ sung quy định thời hạn thăng cấp bậc hàm từ Đại tá lên Thiếu tướng và trong mỗi cấp tướng tối thiểu là 4 năm; bổ sung quy định tuổi của sĩ quan được xét thăng cấp bậc hàm từ Đại tá lên Thiếu tướng không quá 57; trường hợp cao hơn khi có yêu cầu theo quyết định của Chủ tịch nước;

- Bổ sung Điều 22 (trên cơ sở tách điểm c khoản 3 Điều 22 Luật công an nhân dân năm 2005 và bổ sung, chỉnh lý cho phù hợp); bổ sung quy định thẩm quyền của Chủ tịch nước đối với việc thăng cấp bậc hàm trước thời hạn và phong, thăng cấp bậc hàm vượt bậc đối với cấp bậc hàm cấp tướng;

- Điều 23 được chỉnh lý kỹ thuật theo hướng quy định về hệ thống chức vụ cơ bản trong công an nhân dân từ cao xuống thấp (từ Bộ trưởng Bộ Công an đến Tiểu đội trưởng) cho phù hợp với nguyên tắc tổ chức, hoạt động của lực lượng vũ trang nhân dân;

- Điều 24 quy định về cấp bậc hàm cao nhất đối với chức vụ của sĩ quan công an nhân dân theo đúng chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; bảo đảm tuân thủ Hiến pháp năm 2013; bảo đảm tương quan giữa Công an nhân dân và Quân đội nhân dân; kế thừa các quy định hiện hành đã được thực tiễn kiểm nghiệm và đáp ứng yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm của Công an nhân dân trong giai đoạn mới. Theo đó, Luật quy định chặt chẽ, cụ thể các vị trí, chức vụ của sĩ quan công an nhân dân có cấp bậc hàm cao nhất là cấp tướng (kể cả chức vụ cơ bản và chức vụ, chức danh tương đương). Các vị trí, chức vụ cấp phó có trần cấp bậc hàm Thiếu tướng được quy định rõ số lượng. Ở địa phương, Luật quy định chức vụ Giám đốc Công an thành phố Hà Nội và Công an thành phố Hồ Chí

Minh có cấp bậc hàm cao nhất là Trung tướng; Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương còn lại có cấp bậc hàm cao nhất là Đại tá; Trưởng Công an cấp huyện đều có cấp bậc hàm cao nhất là Thượng tá. Các vị trí, chức vụ thuộc Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Công an trung ương và sĩ quan công an nhân dân biệt phái có cấp bậc hàm cao nhất là cấp tướng cũng được quy định rõ trong Luật. Cấp bậc hàm cao nhất là cấp tướng đối với chức vụ của sĩ quan ở đơn vị thành lập mới do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định. Luật cũng quy định cụ thể các chức vụ có trần cấp bậc hàm từ Đại tá trở xuống.

- Chính lý quy định tại Điều 25, theo đó, Chủ tịch nước có thẩm quyền phong, thăng, giáng, tước cấp bậc hàm cấp tướng đối với sĩ quan công an nhân dân để phù hợp với Hiến pháp năm 2013;

- Bổ sung Điều mới (Điều 26) quy định về thủ tục phong, thăng cấp bậc hàm trong công an nhân dân, theo đó, Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước phong, thăng, giáng, tước cấp bậc hàm cấp tướng; thủ tục phong, thăng, giáng, tước các cấp bậc hàm còn lại do Bộ trưởng Bộ Công an quy định;

- Chính lý Điều 29 quy định hạn tuổi phục vụ của sĩ quan công an nhân dân theo hướng: nâng tuổi phục vụ đối với nam và nữ sĩ quan cấp úy lên 53, chính lý quy định kéo dài tuổi phục vụ của sĩ quan có cấp bậc hàm từ Thượng tá trở xuống do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định, bổ sung quy định kéo dài hạn tuổi đối với một số trường hợp cho phù hợp với Bộ luật Lao động và cấp có thẩm quyền, theo đó *“sĩ quan là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, chuyên gia cao cấp, nữ sĩ quan cấp tướng có thể được kéo dài hạn tuổi phục vụ hơn 60 đối với nam và hơn 55 đối với nữ theo quy định của Chính phủ; trường hợp đặc biệt có thể kéo dài khi có yêu cầu theo quyết định của Chủ tịch nước”*.

## **5. Chương V. Bảo đảm hoạt động và chế độ, chính sách đối với Công an nhân dân**

So với Luật Công an nhân dân năm 2005, Chương này sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bổ sung, chỉnh lý Điều 36: để có cơ sở nghiên cứu, tách lương ra khỏi cấp bậc hàm để việc phong, thăng cấp bậc hàm đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ

lãnh đạo, chỉ huy như chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, khoản 1 được chỉnh lý phù hợp, theo đó, tiền lương của sĩ quan, hạ sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp được tính theo chức vụ, chức danh đảm nhiệm và cấp bậc hàm, phù hợp với tính chất, nhiệm vụ của công an nhân dân; sĩ quan được hưởng trợ cấp, phụ cấp như đối với cán bộ, công chức có cùng điều kiện làm việc và trợ cấp, phụ cấp đặc thù công an. Để phù hợp với tình hình hiện nay, tại khoản 6 bổ sung quy định sĩ quan nghiệp vụ và chuyên môn kỹ thuật được hưởng phụ cấp nhà ở, được bảo đảm nhà ở công vụ; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật;

- Để thống nhất thực hiện chế độ của Nhà nước đối với lực lượng vũ trang, tại Điều 39 của Luật đã bổ sung quy định về các trường hợp sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân đang công tác mà hy sinh, tử trận; theo đó, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân đang công tác mà hy sinh thì thân nhân của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ đó được hưởng các chế độ theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng, chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và được hưởng trợ cấp một lần theo quy định của Chính phủ; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân đang công tác mà tử trận thì thân nhân của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ đó được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và được hưởng trợ cấp một lần theo quy định của Chính phủ.

## **6. Chương VI. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

Chương này gồm 2 điều (Điều 41 và Điều 42), quy định về khen thưởng, xử lý vi phạm. Nội dung của các điều luật cơ bản giữ như Luật công an nhân dân năm 2005; có chỉnh lý kỹ thuật cho phù hợp.

## **7. Chương VII. Điều khoản thi hành**

So với Luật Công an nhân dân năm 2005, Chương này sửa đổi, bổ sung như sau:

- Điều 43 quy định Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2014. Các quy định về phong, thăng, giáng, tước cấp bậc hàm cấp tướng; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giáng chức các chức vụ có cấp bậc hàm cao nhất

là cấp tướng có hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật này được công bố. Luật công an nhân dân số 54/2005/QH11 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

- Để đảm bảo tính liên tục và khả thi, Điều 44 của Luật quy định điều khoản chuyển tiếp; theo đó, việc sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ của Công an nhân dân thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành cho đến thời điểm Luật về vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ được ban hành; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, hoạt động của Công an xã, chế độ, chính sách đối với Công an xã thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành cho đến thời điểm Luật về Công an xã được ban hành.

- Điều 45 quy định Chính phủ và cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN LUẬT CÔNG AN NHÂN DÂN**

Luật Công an nhân dân có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 (trừ các quy định về phong, thăng, giáng, tước cấp bậc hàm cấp tướng; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giáng chức các chức vụ có cấp bậc hàm cao nhất là cấp tướng có hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật này được công bố), Bộ Công an đã triển khai xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 363/QĐ-TTg ngày 16/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Công an nhân dân năm 2014, trong đó yêu cầu Bộ Công an trước mắt, khẩn trương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng 05 Nghị định để kịp trình Chính phủ vào tháng 5/2015 theo thủ tục rút gọn, cụ thể là:

- Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Công an nhân dân;

- Nghị định của Chính phủ quy định về nâng lương cấp bậc hàm đối với sĩ quan Công an nhân dân;

- Nghị định của Chính phủ quy định về nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;

- Nghị định của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với thân nhân công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;

- Nghị định của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong Công an nhân dân như cán bộ, công chức có cùng điều kiện làm việc.

Cùng với việc trình Chính phủ ban hành các văn bản hướng dẫn Luật Công an nhân dân, Bộ Công an cũng sẽ ban hành các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật hoặc chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng các Thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành Luật Công an nhân dân năm 2014. Trong năm 2015 Bộ Công an sẽ tổ chức tập huấn về Luật công an nhân dân cho cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân trên phạm vi toàn quốc.